TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-ST
Ngày 05 tháng 4 năm 2021.
V/v: "Đòi lại tài sản là tiền hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Sơn; Ông Hoàng Văn Đông.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Quách Kim Lân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, Tòa án nhân dân huyện Định Quán đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019 về việc: *"Đòi lại tài sản là tiền hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C - sinh năm: 1960

Nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019): Chị Đinh Thị Thúy H - sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1969 và ông Hồ Văn T - sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2019, các bản tường trình, các lời khai tiếp theo, bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 16/02/2012, bà mở dây hụi tháng loại hụi có lãi, gồm 12 chân, mỗi chân 1.000.000đ; thời điểm mãn hụi là ngày 16/01/2013. Những người chơi hụi gồm:

Các bà Nguyễn Thị Tràng; Nguyễn Thị Liên; Trần Thị Yến Oanh; Nguyễn Thị Tám (cùng địa chỉ ấp Phú Tân, xã Phú Cường) mỗi người chơi 01 chân;

Các bà Nguyễn Thị Thùy Trang; Lại Thị Lê (cùng địa chỉ ấp Bến Nôm 1, xã Phú Cường) mỗi người chơi 01 chân;

Các bà Nguyễn Thị Nhường; Nguyễn Thị Hường, Dương Thị Thanh Hoài (cùng địa chỉ ấp Thống Nhất, xã Phú Cường) mỗi người chơi 01 chân;

Ông Nguyễn Thiện Khiêm và bà Nguyễn Thị H (cùng địa chỉ ấp Phú Tân, xã Phú Cường) mỗi người chơi 1,5 chân;

Ngay kỳ mở hụi đầu tiên, bà Nguyễn Thị H đóng được 01 tháng đầu với số tiền 1.500.000đ và bỏ thăm để hốt hụi đầu. Do thăm của bà H là cao nhất nên bà H được hốt hụi với số tiền bà H đã nhận là 12.870.000đ (nhưng bà H phải chịu tiền cò của dây hụi 01 năm là 400.000đ/01 chân; bà H 1,5 chân nên tiền cò là 600.000đ); trừ đi tiền cò thì số tiền bà H thực nhận là 12.270.000đ. Khi nhận số tiền hốt hụi, bà H có viết tên vào biên nhận tiền hụi ngày 16/02/2012.

Theo quy ước thì bà H phải đóng hụi chết mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi mãn hụi, tính từ khi bà H hốt hụi đến ngày mãn là 10 tháng nên bà H phải đóng 15.000.000đ nhưng bà H chỉ góp được 01 tháng bằng 1.500.000đ thì ngừng đóng. Để bảo vệ dây hụi không bị bể, bà đã bỏ tiền túi ra để bù (đóng hụi chết thay) cho bà H với tổng số tiền của 10 tháng là 15.000.000đ. Quá trình chơi hụi cho đến khi mãn hụi, bà đã nhiều lần đến đòi tiền nhưng bà H chỉ hứa hẹn mà không trả cho bà được khoản tiền nào.

Do số tiền hụi bà H hốt về sử dụng chung cho cả gia đình, chồng bà H là ông Hồ Văn T biết rõ và từng hứa miệng sẽ trả nợ cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà H cùng chồng là ông T phải trả lại số tiền 15.000.000đ và tiền lãi tạm tính trong 06 năm chậm thanh toán là 15.000.000đ x 13,5%/năm x 06 năm = 12.150.000đ; tổng cộng tiền hụi và tiền lãi là 27.150.000đ.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 05/01/2021, bà C xin rút yêu cầu đòi tiền lãi; chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H, ông T trả lại số tiền nợ hụi là 15.000.000đ.

Theo biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày*:*

Bà thừa nhận có tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Thị C và thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên nhận tiền hốt hụi đúng là của bà nhưng bà khẳng

định đã đóng hụi đầy đủ cho bà C. Do bà không nợ tiền hụi của bà C nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà C.

Đối với đồng bị đơn là ông Hồ Văn T (chồng bà Nguyễn Thị H): Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đến Tòa án làm việc nhưng ông T không có văn bản nêu ý kiến đối với khởi kiện của bà C; ông T cũng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên, việc tranh tụng diễn ra như sau:

Tòa án, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở xác định bà H, ông T còn nợ 10 tháng tiền hụi của bà C với tổng số tiền là 15.000.000đ. Do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu tính tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H, ông T trả cho bà C số tiền 15.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C thì quan hệ pháp luật được xác định là "Đòi lại tài sản là tiền hụi" được quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu đòi tiền lãi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Hồ Văn T, bà Nguyễn Thị H cư trú tại xã Phú Cường, huyện Định Quán nên Tòa án nhân dân huyện Định Quán có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đương sự đòi lại tài sản nên Tòa án không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[1.4] Về điều luật áp dụng:

Về luật tố tụng: Được áp dụng theo các Điều 26, 35, 39, 68, 91, 147, 184, 266, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về pháp luật nội dung: Do tranh chấp xảy ra từ năm 2012 đến nay nên pháp luật về nội dung được áp dụng là Điều 256, 290, 599 Bộ luật dân sự Bộ luật Dân sự 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 cùng các văn bản hướng dẫn là Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường.

[1.5] Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 96); ông Hồ Văn T, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về nội dung tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Qua làm việc và xác minh với các người làm chứng như bà Nguyễn Thị Tràng, Nguyễn Thị Liên, Trần Thị Yến Oanh, Nguyễn Thị Tám, Nguyễn Thị Thùy Trang, Lại Thị Lê, Nguyễn Thị Nhường, Nguyễn Thị Hường, Dương Thị Thanh Hoài là những người tham gia chơi hụi cùng với bà C thì những người này đều xác định bà C mở dây hụi vào ngày 16/02/2012, loại hụi có lãi, gồm 12 chân, mỗi chân 1.000.000đ; thời điểm mãn hụi là ngày 16/01/2013. Lời khai của những người này là trùng khớp với lời trình bày của bà C về thời gian mở hụi, loại hụi, hình thức chơi hụi và số chân hụi mà bà H tham gia chơi; đồng thời, xác định khi đến kỳ họp hàng tháng bà H bỏ thăm trúng được hốt hụi nhưng bà H không giao tiền hụi chết như thỏa thuận cho bà C nên bà C đã phải đóng thay tiền hụi của bà H để duy trì dây hụi đến ngày mãn (BL 35, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96).

Xét thấy, Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường quy định về trách nhiệm của thành viên không góp phần hụi (họ) như sau: "Trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên".

Ngoài ra, chính bà H cũng thừa nhận có ký nhận tiền hốt hụi từ bà C và cho rằng bà đã đóng đầy đủ khoản hụi chết. Xét lời trình bày này của bà H không được bà C thừa nhận và bà H lại không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, Tòa án không có căn cứ để xác định bà H đã thực hiện xong nghĩa vụ góp hụi chết mà ngược lại, từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên có cơ sở để chứng minh bà H còn nợ 10 tháng góp hụi chết cho bà C với tổng số tiền là 15.000.000đ nên cần buộc bà H có trách nhiệm hoàn trả số tiền mà bà C đã góp thay cho bà H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T nhưng không nhận được ý kiến và tài liệu, chứng cứ gì của ông T cung cấp để phản đối về yêu cầu khởi kiện của bà C. Dù ông T không trực tiếp tham gia chơi hụi, nhưng bà H hốt hụi được thì dùng tiền để sử dụng, làm kinh tế gia đình và ông T cũng biết được việc bà H chơi hụi do bà C mở, do đó cần buộc ông T thực hiện nghĩa vụ liên đới cùng bà H để trả nợ cho bà C.

Từ những lập luận, phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận và có đầy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 15.000.000đ là đúng theo quy định tại Điều 471

Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 16, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch là 5% trên tổng số tiền Tòa án án buộc trả cho nguyên đơn. Đối với nguyên đơn do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 68, 91, 147, 184, 266, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Căn cứ Điều 256, 290, 599 Bộ luật dân sự Bộ luật Dân sự 2005; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Nghị định 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị C.

Buộc bị đơn Hồ Văn T, Nguyễn Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị C số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả khoản tiền nói trên, thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

- Buộc bị đơn Hồ Văn T, Nguyễn Thị H phải nộp là 750.000đ.

- Trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí 679.000đ (theo biên lai thu số 0002399 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán).

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND HĐQ;
- THADS HĐQ;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Sơn **Hoàng Văn Đông** **Lê Xuân Hòa**